TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Mô, ngày 26 tháng 07 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 53/2019/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Xóm 1, Lam Sơn, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Vân Hạ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 07/01/2016.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Đ thành niên.

Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Bảo Đ được sống chung với chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom,

chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Nguyễn Văn B không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thống nhất để chị T nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002127 ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Khánh Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM DIỆU OANH

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).